

THỰC HÀNH PHÉP TU TỪ ẨN DỤ VÀ HOÁN DỤ

A – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

- củng cố và nâng cao kiến thức về hai phép tu từ ẩn dụ và hoán dụ.
- Có kĩ năng phân biệt, phân tích và sử dụng hai phép tu từ nói trên.
- Bồi dưỡng cảm xúc thẩm mĩ qua bài thực hành ở lớp.

B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

I – NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

a) HS đã được học hai phép tu từ ẩn dụ và hoán dụ ở chương trình THCS, do vậy trước khi thực hành luyện tập, GV cần gợi ý để HS nhắc lại định nghĩa hai phép tu từ này và ôn lại kiến thức đã học.

b) Đây là hai phép tu từ cơ bản thường gặp trong văn chương, tuy nhiên HS lại thường lẫn lộn hai phép tu từ này với nhau, cho nên GV cần giúp HS phân biệt qua các bài tập thực hành.

c) Bài thực hành trong SGK *Ngữ văn 10* đơn giản nhưng trong một tiết học mà cho HS luyện tập cả hai phép tu từ thì quả không dễ dàng. Mỗi kiểu bài luyện tập chỉ giới hạn trong 20 phút.

2. Trọng tâm bài học

- a) Nhận diện và phân biệt hai phép tu từ ẩn dụ và hoán dụ.
- b) Phân tích các phép tu từ nói trên.

II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

Vì đây là bài luyện tập thực hành nên GV phải có cách gợi ý để tạo cho HS hứng thú trả lời và luyện tập được càng nhiều càng tốt.

2. Tiến trình tổ chức dạy học

a) Ấn dụ

Câu 1

GV gợi ý để HS suy nghĩ. Ví dụ, có thể nêu câu hỏi : Ở câu ca dao thứ nhất, vì sao tác giả câu ca dao không nói trực tiếp :

*Chàng ơi có nhớ thiếp chăng
Thiếp thì một dạ khăng khăng đợi chàng.*

Cách so sánh *chàng* với *thuyền*, *thiếp* với *bến* còn gợi ra được những hình ảnh gì khác ?

GV nêu cho HS thấy trong khung cảnh giao tiếp nào thì sự so sánh này là phù hợp nhất. Điều mà HS có thể suy ra từ sự so sánh ngầm ấy là khung cảnh giao tiếp (hay gọn hơn là *khung*). Ở đây có những *đặc điểm tương đồng* và *quan hệ tương đồng*. Vì vậy ở câu ca dao thứ hai, *cây đa bến cũ* và *con đò* lại có một ý nghĩa khác, tuy bề ngoài thể hiện giống nhau.

Câu 2

– Ở câu thơ thứ nhất, nhờ phép ẩn dụ (*lúa lựu lập loè*), nhà thơ đã miêu tả cảnh sắc mùa hè một cách sinh động, cảnh vật hiện lên như có hồn và sống động trước mắt người đọc.

– Ở đoạn văn thứ hai, GV yêu cầu HS nhận xét cách dùng từ ngữ của tác giả như : *thú văn nghệ ngòn ngọt, sự phê phỡn thoả thuê, tình cảm gầy gò,...*

– Ở các câu thơ tiếp theo, GV hướng dẫn HS nhận diện các hình ảnh ẩn dụ (*giọt, thác, thuyền, phù du, phù sa*) bằng cách thay thế từ ngữ hoặc phân tích hiệu quả biểu đạt.

Mở rộng luyện tập : GV yêu cầu HS tìm thêm các ví dụ khác (càng nhiều càng tốt) và dùng cách thay thế từ ngữ tương tự ở trên.

b) Hoán dụ

Câu 1

GV gợi ý HS nhận xét cách dùng từ ngữ của Nguyễn Du trong câu thơ : *Đầu xanh đã tội tình gì, – Má hồng đến quá nửa thì chưa thôi.*

So sánh cách dùng cụm từ *đầu xanh* với các từ *tuổi trẻ, tuổi thơ, thanh niên,...* thì cách dùng cụm từ *đầu xanh* có thể gợi ra những ý tưởng khác. Cũng như vậy, tác giả dùng cụm từ *má hồng* để chỉ "người con gái trẻ đẹp", "mĩ nhân", "tố nữ", "nàng Kiều". Trong văn cảnh câu thơ này, cụm từ *má hồng* còn chuyển nghĩa một lần nữa để nói đến thân phận làm gái lầu xanh của người phụ nữ. Như vậy, Nguyễn Du dùng

những từ chỉ bộ phận cơ thể (*đầu, má*) để chỉ con người. Cách diễn đạt này gọi tình ý sâu xa, đồng thời lại miêu tả sinh động hơn những cách khác.

Với các cụm từ *áo nâu, áo xanh* ở câu (2), GV hướng dẫn HS tiến hành phân tích theo cách tương tự.

Câu 2

a) Trong câu thơ *Thôn Đoài thì nhớ thôn Đông, – Cau thôn Đoài nhớ giầu không thôn nào*, tác giả sử dụng những hình ảnh hoán dụ *thôn Đoài, thôn Đông* để chỉ "người thôn Đoài", "người thôn Đông" và những hình ảnh ẩn dụ *cau thôn Đoài, giầu không thôn nào* để chỉ những người đang yêu, bởi vì quan hệ giữa những người đang yêu nhau cũng có những điểm tương đồng với quan hệ giữa trầu và cau. Đó là quan hệ giữa những sự vật gắn bó khăng khít với nhau, tồn tại vì nhau, cho nhau, khi hoà hợp thì trở nên thấm thiết. Quan hệ tương đồng là cơ sở của mọi ẩn dụ. Điều đáng chú ý là trong câu thơ này, đích của người nói hướng về người yêu nhưng người nói lại dùng cách nói bóng quơ, lấp lửng.

b) Cùng thể hiện nỗi nhớ trong tình yêu nhưng câu thơ *Thôn Đoài thì nhớ thôn Đông* dùng những hình ảnh hoán dụ *thôn Đoài, thôn Đông* để chỉ người ở thôn Đoài và người ở thôn Đông ; còn câu thơ *Thuyền ơi có nhớ bến chăng* lại dùng những hình ảnh ẩn dụ *thuyền, bến* để chỉ những người đang yêu.

Câu 3

GV có thể gợi ý cho HS một số cách nói ẩn dụ và hoán dụ như : *con chim hoạ mi của lớp ta* (chỉ một nữ sinh nào đó có giọng hát hay), *một chân bóng đá siêu hạng* (chỉ một bạn nam đá bóng giỏi),... Sau đó GV gợi ý cho HS viết những đoạn văn có sử dụng hai phép tu từ ẩn dụ và hoán dụ.

c) Cuối cùng, GV hướng dẫn HS tìm những tiêu chí phân biệt ẩn dụ và hoán dụ và điền vào bảng như sau :

ẨN DỤ	HOÁN DỤ
(1) Dựa trên sự liên tưởng giống nhau (liên tưởng tương đồng) của hai đối tượng bằng so sánh ngầm.	(1) Dựa trên sự liên tưởng gần gũi (liên tưởng kế cận) của hai đối tượng mà không so sánh.
(2) Thường có sự chuyển trường nghĩa.	(2) Không chuyển trường mà cùng trong một trường nghĩa.

III – KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

1. Kiểm tra, đánh giá

– GV có thể kiểm tra kiến thức của HS bằng hai cách :

+ Kiểm tra về lí thuyết : Tìm tiêu chí phân biệt ẩn dụ và hoán dụ.

- + Thực hành : Yêu cầu HS tìm ví dụ (càng nhiều càng tốt) về hai phép tu từ nói trên.
- GV đánh giá tại lớp phần trả lời của HS ; khuyến khích sự tìm tòi, sáng tạo của HS.

2. Gợi ý giải bài tập

Gợi ý giải bài tập đã nêu ở phần trên.

IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Trọng Lạc – Nguyễn Thái Hoà, *Phong cách học tiếng Việt*, Sđd.
2. Đinh Trọng Lạc, *99 phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1996.